

# Sách Đa-ni-ên - Số chín mươi hai

*Vén màn lời tiên tri: sự áp dụng ba lần của sáu câu cuối sách Đa-ni-ên và ánh sáng tiến triển của thiên sứ thứ ba*

Jeff Pippenger  
2024-02-25

Trong phong trào Millerite, sự gia tăng hiểu biết đã được mở án và nó chủ yếu, nhưng không phải chỉ, thử thách những người tự xưng là tín hữu Tin Lành tại Hoa Kỳ. Sardis, hội thánh đang bước ra khỏi bóng tối của quyền tối thượng giáo hoàng, được dẫn dắt đến một sự hiểu biết đầy đủ hơn về phúc âm, điều sẽ được bày tỏ khi đền thánh trên trời được mở ra. Trong phong trào của thiên sứ thứ ba, sự gia tăng hiểu biết đã được mở án vào ngày 11 tháng 9 năm 2001, và nó đã thử thách Phục Lâm Laodicea trên khắp thế giới. Vì lý do này, lẽ thật được trình bày trong sáu câu cuối của Đa-ni-ên đoạn mười một, vốn là nguồn của sự gia tăng hiểu biết, đã bị Phục Lâm Laodicea chống đối.

Những thợ xây trung tín ít ỏi trên nền tảng chân thật (1 Cô-rinh-tô 3:10, 11) đã trở nên bối rối và bị cản trở khi đồng đồ nát của giáo lý giả dối chặn ngang công việc. Như những người xây tường thành Giê-ru-sa-lem trong thời Nê-hê-mi, có người đã sẵn sàng nói: “Sức của những người khiêng gánh đã mòn mỏi, và có quá nhiều đồng đồ nát; nên chúng ta không thể xây cất được.” Nê-hê-mi 4:10. Một mối vì cuộc đấu tranh không ngừng chống lại sự bắt bớ, gian trá, gian ác và mọi chướng ngại khác mà Sa-tan có thể bày ra để cản trở bước tiến của họ, một số người vốn là những thợ xây trung tín đã trở nên nản lòng; và vì muốn có sự yên ổn và an toàn cho tài sản và mạng sống của mình, họ đã quay lưng khỏi nền tảng chân thật. Những người khác, không nao núng trước sự chống đối của kẻ thù, đã mạnh dạn tuyên bố: “Đừng sợ chúng; hãy nhớ Chúa là Đấng vĩ đại và đáng kính sợ” (câu 14); và họ tiếp tục công việc, ai nấy đều thất gươm bên hông. Ê-phê-sô 6:17.

Cùng một tinh thần thù hận và chống đối lẽ thật đã thúc đẩy các kẻ thù của Đức Chúa Trời qua mọi thời đại, và cùng một sự cảnh giác và trung tín cũng đã được đòi hỏi nơi các đầy tớ của Ngài. Những lời của Đấng Christ phán với các môn đồ đầu tiên cũng áp dụng cho những người theo Ngài cho đến tận cùng thời gian: “Điều Ta nói với các ngươi, Ta cũng nói với mọi người: Hãy tỉnh thức.” Mác 13:37. Cuộc Đại Tranh Chiến, 56.

Việc trình bày thông điệp của sáu câu cuối cùng trong sách Đa-ni-ên khởi đầu trong bối cảnh các mục vụ tự lập của Cơ Đốc Phục Lâm La-ô-đi-xê, và về sau, theo thời gian, đã đối mặt với các nhà thần học nổi tiếng (những người học thức) của Cơ Đốc Phục Lâm La-ô-đi-xê. Những vũ khí được sử dụng nhằm làm mất uy tín thông điệp ấy rất cuộc luôn mang lại ánh sáng lớn hơn và sự rõ ràng hơn về các câu đang bị soi xét và công kích. Những cuộc tấn công đó cuối cùng dẫn đến những hiểu biết tiên tri trước đây chưa được nhận ra, nhưng rồi được xác lập và được nhận thấy là một phần của ánh sáng đang tiến triển của thiên sứ thứ ba.

Những người Millerite chỉ thừa nhận bốn đế quốc của lời tiên tri Kinh Thánh, nhưng không lâu sau năm 1844, người ta hiểu rằng Hoa Kỳ là con thú từ đất trong Khải Huyền đoạn 13, và sự hiểu biết

đó làm rõ rằng chế độ giáo hoàng không chỉ đơn giản là một phần của đế quốc La Mã, mà thực ra chính là đế quốc thứ năm của lời tiên tri Kinh Thánh.

Dưới những biểu tượng là một con rồng lớn màu đỏ, một con thú giống như báo, và một con thú có sừng như chiên con, những chính quyền trần gian, là những kẻ sẽ đặc biệt dẫn mình vào việc chà đạp luật pháp của Đức Chúa Trời và bắt bớ dân Ngài, đã được tỏ cho Giăng thấy. Cuộc chiến tiếp diễn cho đến tận cùng thời gian. Dân của Đức Chúa Trời, được tượng trưng bởi một người nữ thánh và các con của bà, được mô tả là thuộc thành phần rất ít ỏi. Trong những ngày sau rốt, chỉ còn một số sót lại. Về những người này, Giăng nói rằng họ là những người 'giữ các điều răn của Đức Chúa Trời và có lời chứng của Đức Chúa Giê-su Christ.'

Qua ngoại giáo, rồi qua chế độ Giáo hoàng, Sa-tan đã thi triển quyền lực của mình suốt nhiều thế kỷ nhằm xóa khỏi mặt đất các chứng nhân trung tín của Đức Chúa Trời. Những kẻ ngoại giáo và những người theo Giáo hoàng đều bị thúc đẩy bởi cùng một thần khí của con rồng. Họ chỉ khác nhau ở chỗ chế độ Giáo hoàng, làm ra về phục sự Đức Chúa Trời, là kẻ thù nguy hiểm và tàn bạo hơn. Thông qua bộ máy của La Mã giáo, Sa-tan đã đưa thế giới vào ách nô lệ. Hội thánh tự xưng là của Đức Chúa Trời đã bị cuốn vào hàng ngũ của sự mê lầm này, và suốt hơn một ngàn năm, dân sự của Đức Chúa Trời đã chịu khổ dưới con thịnh nộ của con rồng. Và khi chế độ Giáo hoàng, bị tước mất sức mạnh, buộc phải thôi bách hại, Giăng thấy một quyền lực mới trỗi lên để vang dội tiếng nói của con rồng và tiếp tục công việc tàn bạo và phạm thượng như vậy. Quyền lực này, kẻ sau cùng sẽ gây chiến chống lại hội thánh và luật pháp của Đức Chúa Trời, được biểu tượng bằng một con thú có sừng như chiên con.

Nhưng những nét phác nghiêm khắc của bút tiên tri phơi bày một sự thay đổi trong khung cảnh yên bình này. Con thú có sừng giống chiên nói bằng tiếng của con rồng, và 'thi hành tất cả quyền lực của con thú thứ nhất trước mặt nó.' Lời tiên tri tuyên bố rằng nó sẽ nói với những người cư ngụ trên đất rằng họ phải dựng nên một hình tượng cho con thú, và rằng "nó khiến hết thấy, cả nhỏ lẫn lớn, giàu cũng như nghèo, tự do cũng như nô lệ, phải nhận một dấu ở tay phải hoặc trên trán; để không ai có thể mua hay bán, ngoại trừ kẻ có dấu ấy, hoặc tên của con thú, hoặc số tên của nó." Như vậy, Chủ nghĩa Kháng Cách bước theo dấu chân của Giáo quyền La Mã. Signs of the Times, ngày 1 tháng 11 năm 1899.

Khi sáu câu cuối của Đa-ni-ên chương mười một được mở án, người ta nhận ra rằng toàn bộ chuỗi sự kiện được minh họa trong sáu câu ấy đang đề cập đến sự tương tác giữa ba quyền lực mà bà White vừa xác định là "ngoại giáo", "Giáo quyền La Mã" và "Tin Lành". Kẻ thù lập luận rằng "xứ vinh hiển" ở câu bốn mươi một là biểu tượng cho hoặc Tin Lành hoặc Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm, nhưng "xứ vinh hiển" chính là Hoa Kỳ, và trong câu bốn mươi một vua phương bắc (Giáo quyền La Mã) chinh phục Hoa Kỳ trong sự kiện luật ngày Chủ nhật sắp tới. Sự sai lạc của Sa-tan khi xác định "xứ vinh hiển" là bất cứ điều gì khác ngoài Hoa Kỳ nhằm ngăn cản đàn ông và phụ nữ nhận ra rằng biến cố tiên tri tiếp theo sau sự sụp đổ của Liên Xô vào năm 1989, trong giai đoạn được trình bày trong sáu câu cuối của Đa-ni-ên chương mười một, chính là luật ngày Chủ nhật sắp tới.

Đối với những người Cơ Đốc Phục Lâm, điều này có nghĩa là câu bốn mươi một đang xác định sự đóng cửa ân điển cho Hội Thánh của Đức Chúa Trời, và điều cuối cùng mà Cơ Đốc Phục Lâm

La-ô-đi-xê muốn nghe là thời kỳ ân điển của họ sắp chấm dứt! Chúa đã dẫn dắt lập luận đến chỗ người ta nhận ra rằng khi La Mã ngoại giáo nắm quyền kiểm soát thế giới tại Trận Actium vào năm 31 TCN, thì trước hết nó phải chinh phục ba quyền lực địa lý như được trình bày trong Đa-ni-ên đoạn tám.

Và từ một trong số đó mọc lên một cái sừng nhỏ, sừng ấy trở nên hết sức lớn mạnh, về phía nam, về phía đông, và về miền đất tốt đẹp. Đa-ni-ên 8:9.

Đó là một sự thật đã được xác lập rằng “miền nam”, “miền đông” và “xứ tốt đẹp” tượng trưng cho ba khu vực địa lý mà La Mã ngoại giáo đã nắm quyền kiểm soát khi nó lên ngôi cai trị trên đất như vương quốc thứ tư trong lời tiên tri Kinh Thánh. Đi liền với thực tế này là việc La Mã giáo hoàng cũng phải vượt qua ba quyền lực lãnh thổ khi nó lên ngôi cai trị trên đất như vương quốc thứ năm trong lời tiên tri Kinh Thánh, như được trình bày trong Đa-ni-ên chương bảy.

Tôi nhìn xem các sừng, thì kìa, ở giữa chúng mọc lên một cái sừng nhỏ khác; trước nó, ba trong các sừng đầu tiên bị nhổ bật gốc; và kìa, trên sừng ấy có mắt như mắt người và một cái miệng nói những lời lớn lao. Đa-ni-ên 7:8.

Trong cuộc tranh luận nổ ra xoay quanh “đất vinh hiển” ở câu bốn mươi một, Chúa đã chỉ ra rằng trong lời tiên tri có ba hình thái của La Mã: La Mã ngoại giáo, tiếp theo là La Mã giáo hoàng, và rồi La Mã của thời kỳ sau rốt, mà chúng ta gọi là “La Mã hiện đại”. Dựa trên hai lẽ thật vững chắc đã được thiết lập trong lời tiên tri—một là Đức Chúa Trời không hề thay đổi, và một là lẽ thật được xác lập bởi lời chứng của hai nhân chứng—chúng tôi kết luận một cách dứt khoát rằng ba chương ngại đối với vua phương bắc trong sáu câu cuối của Đa-ni-ên đoạn mười một phải tượng trưng cho ba quyền lực địa lý hiện đại.

Giê-su Christ hôm qua, hôm nay, và cho đến đời đời vẫn y nguyên. Hê-bơ-rơ 13:8.

Trong luật pháp của các người cũng có chép rằng: lời chứng của hai người là thật. Giăng 8:17.

Sự thừa nhận này đã xác nhận điều chúng tôi đã kết luận từ trước, vì từ lâu chúng tôi vẫn xem “đất vinh hiển” là một thế lực mang tính địa lý (Hoa Kỳ), và bác bỏ ý tưởng đại đột cho rằng nó đại diện cho một hội thánh, vốn là một thế lực thuộc linh. Chúng tôi hình thành lập trường này dựa trên niềm tin vẫn luôn được xác nhận rằng trong Lời Đức Chúa Trời không có điều gì là ngẫu nhiên. Qua nhiều lời chứng, có thể thấy rõ rằng Hội Thánh của Đức Chúa Trời trong những ngày sau rốt là một ngọn núi.

Và sẽ xảy ra trong những ngày sau rốt rằng, núi của nhà Đức Chúa Trời sẽ được lập trên đỉnh các núi, và được tôn cao hơn các đồi; mọi dân tộc sẽ tuôn đến đó. Nhiều dân sẽ đi và nói: Hãy đến, chúng ta hãy lên núi của Đức Chúa Trời, đến nhà Đức Chúa Trời của Gia-cốp; Ngài sẽ dạy chúng ta về đường lối của Ngài, và chúng ta sẽ bước đi trong các nẻo của Ngài; vì từ Si-ôn luật pháp sẽ ra, và lời của Đức Chúa Trời từ Giê-ru-sa-lem. Ê-sai 2:2, 3.

Những người cho rằng “xứ vinh hiển” là một hội thánh — và thường thì họ khẳng định đó là Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm (Ngày Thứ Bảy) — làm vậy vì Đa-ni-ên gọi xứ ấy là “vinh hiển”, và với lối suy luận nông cạn họ kết luận rằng, bởi vì “núi thánh vinh hiển” ở câu bốn mươi lăm chắc chắn là hội thánh của Đức Chúa Trời trong những ngày sau rốt, nên “xứ vinh hiển” cũng phải là hội

thánh. Suy cho cùng, cả hai đều có tính từ “vinh hiển”.

Không có sai lầm nào trong Lời Đức Chúa Trời, và khi Đa-ni-ên dùng “đất” liên hệ với từ “vinh hiển”, rồi bốn câu sau ông dùng “núi thánh” liên hệ với từ “vinh hiển”, thì Đa-ni-ên đang xác định một sự phân biệt có chủ đích giữa một vùng đất và một ngọn núi. Vùng đất vinh hiển theo nghĩa đen là Giu-đa, và chính tại thành Giê-ru-sa-lem mà đền thờ của Đức Chúa Trời đã được dựng lên. Giê-ru-sa-lem, hay đền thờ, có thể được hiểu là Hội Thánh của Đức Chúa Trời, nhưng lãnh thổ nơi Giê-ru-sa-lem tọa lạc là đất Giu-đa. Nhiều lẽ thật đã được xác lập khi sự hiểu biết gia tăng trong ánh sáng ngày càng tỏ rạng của thiên sứ thứ ba, nhưng ở đây chúng ta chỉ đơn giản phác thảo bối cảnh của lời tiên tri nhằm xác định ba biểu hiện của Rô-ma.

Khi chúng tôi nhận ra rằng La Mã ngoại giáo và La Mã giáo hoàng cung cấp hai bằng chứng xác lập các đặc tính tiên tri của La Mã hiện đại, chúng tôi đã nhận ra một nguyên tắc giải thích mà tôi gọi là “sự áp dụng ba lần của lời tiên tri”. Có những người khác đã sử dụng các ý tưởng tương tự về sự lặp lại ba lần của một số lời tiên tri, nhưng định nghĩa mà chúng tôi đi đến công nhận là định nghĩa mà chúng tôi vẫn dùng. Điều quan trọng cần hiểu là quy tắc tiên tri về sự áp dụng ba lần của lời tiên tri, điều vẫn thường được Future for America áp dụng, đã được nhận ra trong quá trình tranh luận về sáu câu cuối của Đa-ni-ên 11; nhưng điều cũng quan trọng không kém là cuộc tranh luận ấy đã dẫn đến sự nhận ra đầu tiên rằng sự áp dụng ba lần của lời tiên tri liên quan đến La Mã. Trong lịch sử Millerite, một trong những tranh luận là liệu Antiochus Epiphanes có phải là “những kẻ cướp” của dân Đa-ni-ên, hay “những kẻ cướp” ấy là La Mã, theo như những người Millerite hiểu. Lý do điều này quan trọng là vì La Mã, với tư cách là “những kẻ cướp” của dân Đa-ni-ên, chính là những kẻ sẽ “thiết lập Khải tượng” trong Đa-ni-ên 11, câu 14.

Trong thời ấy sẽ có nhiều người đứng lên chống lại vua phương nam; cả những kẻ cướp trong dân người cũng sẽ tự tôn mình lên để làm cho Khải tượng được ứng nghiệm; nhưng rồi chúng sẽ thất bại. Đa-ni-ên 11:14.

Lần đầu tiên chúng tôi hiểu về sự áp dụng ba lần của lời tiên tri là khi nhận ra rằng có ba sự biểu hiện của La Mã trong lời tiên tri Kinh Thánh. La Mã đã xác lập Khải tượng về ánh sáng tiến triển của sứ điệp thiên sứ thứ ba, như nó đã làm trong lịch sử Millerite. Trong lịch sử Millerite, chính sự hiểu biết rằng ngoại giáo và chủ nghĩa giáo hoàng là những quyền lực chà đạp đền thánh và đạo binh đã trở thành khuôn khổ của lẽ thật, trên đó Miller xây dựng “tất cả” các hiểu biết tiên tri của mình. Sáu câu cuối của Đa-ni-ên đoạn mười một đã thiết lập một khuôn khổ lẽ thật mà Future for America đã xây dựng tất cả các áp dụng tiên tri của mình trên đó. Khuôn khổ ấy là ba quyền lực tàn phá: con rồng, con thú và tiên tri giả, những thế lực dẫn dắt thế giới đến A-ma-ghe-đôn.

Khuôn khổ đó dựa trên việc nhìn nhận rằng La Mã ngoại giáo, tiếp theo là La Mã giáo hoàng, cung cấp hai nhân chứng xác lập La Mã hiện đại; và rằng La Mã hiện đại là liên minh ba phần của con rồng của thuyết tâm linh (Liên Hợp Quốc), con thú của Công giáo (giáo hoàng quyền), và tiên tri giả của Tin Lành bội đạo (Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ). Khuôn khổ đó chính là điều chúng tôi gọi là sự áp dụng ba lần của lời tiên tri. Trong các bài viết tiếp theo, chúng tôi sẽ bàn luận về các sự áp dụng ba lần khác nhau của lời tiên tri đã được nhận ra, và những điều ấy hợp thành khuôn khổ của ánh sáng ngày càng tỏ của ba thiên sứ.

Chúng ta sẽ xem xét sự áp dụng ba lần liên quan đến ba biểu hiện của La Mã, những biểu hiện này xác định cấu trúc chính trị và tôn giáo của La Mã hiện đại, mà Bà White gọi là “churchcraft” và “statecraft”. Cấu trúc đó được nhận biết bằng cách đem các đặc điểm tiên tri của La Mã ngoại giáo kết hợp với các đặc điểm tiên tri của La Mã giáo hoàng, nhằm nhận diện và xác lập những đặc điểm ấy trong La Mã hiện đại.

Chúng ta sẽ xem xét việc áp dụng gấp ba của ba biểu hiện về Ba-by-lôn, được đại diện bởi Ním-rót, Nê-bu-cát-nết-sa và Bên-xát-sa, qua đó nhận diện sự kiêu ngạo của con người tội ác, kẻ ngồi trong đền thờ của Đức Chúa Trời và xưng mình là Đức Chúa Trời, mà Ê-sai gọi là “kẻ A-si-ri kiêu ngạo.” Sự kiêu ngạo của giáo hoàng, vốn là một đề tài của lời tiên tri Kinh Thánh, được nhận diện bằng cách kết hợp các đặc điểm tiên tri của Ba-bên với các đặc điểm tiên tri của Ba-by-lôn nhằm nhận diện và xác lập các đặc điểm của Ba-by-lôn hiện đại.

Chúng ta sẽ xem xét sự áp dụng ba lần của ba biểu hiện về Ê-li, được tiêu biểu qua Ê-li và Giảng Báp-tít, vốn xác định “tiếng kêu trong đồng vắng” trong những ngày sau rốt. Tiếng kêu trong đồng vắng trong những ngày sau rốt biểu trưng cho một người lính canh cụ thể, tức là một phong trào, và xác định một lời chứng đôi trong một phong trào có khởi đầu và kết thúc tương tự nhau. Chúng ta được cho biết rằng không thể có thiên sứ thứ ba nếu không có thiên sứ thứ nhất và thứ hai; vì vậy, ở một mức độ nào đó, không thể tách rời phong trào của thiên sứ thứ nhất khỏi phong trào của thiên sứ thứ ba, và cả hai phong trào đều được tiêu biểu bởi một người lính canh được Ê-li và Giảng Báp-tít làm hình bóng.

Bằng bút và tiếng nói, chúng ta phải công bố, chỉ ra trật tự của các sứ điệp ấy và sự áp dụng của các lời tiên tri dẫn chúng ta đến sứ điệp của thiên sứ thứ ba. Không thể có sứ điệp thứ ba nếu không có sứ điệp thứ nhất và thứ hai. Những sứ điệp này chúng ta phải truyền đến thế giới qua các ấn phẩm, qua các bài giảng, cho thấy theo dòng lịch sử tiên tri những điều đã xảy ra và những điều sẽ xảy ra. Những Sứ điệp Được Chọn, quyển 2, 105.

Chúng ta sẽ xem xét việc áp dụng ba lần của ba biểu hiện về sứ giả dọn đường cho Sứ giả của giao ước đột ngột đến đền thờ của Ngài, như được tiêu biểu bởi Giảng Báp-tít và William Miller. Người lính canh cuối cùng là một chủ đề của lời tiên tri, được nhận diện bằng cách kết hợp các đặc điểm tiên tri của Giảng Báp-tít và William Miller để xác định sự ứng nghiệm cuối cùng của Ma-la-chi chương ba.

Này, Ta sẽ sai sứ giả của Ta, người sẽ dọn đường trước mặt Ta; và Chúa mà các người tìm kiếm sẽ thành linh đến đền thờ của Ngài, tức là sứ giả của giao ước, Đấng mà các người ưa thích; kia, Ngài sẽ đến, Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy. Ma-la-chi 3:1.

Chúng ta sẽ xem xét sự áp dụng ba lần của ba biểu hiện của Hồi giáo, như được thể hiện qua các đặc điểm tiên tri của Hồi giáo thuộc hai tai vạ thứ nhất và thứ hai ở Khải Huyền chương 8 và 9, qua đó chỉ ra các đặc điểm tiên tri của Hồi giáo trong tai vạ thứ ba được nêu ở Khải Huyền chương 10 và 11.

Chúng ta sẽ tiếp tục những nội dung này trong bài viết tiếp theo.

Đừng để ai trở thành bộ óc thay cho các bạn; đừng để ai suy nghĩ, tra xét và cầu nguyện thay cho các bạn. Đây là lời chỉ dẫn mà hôm nay chúng ta cần ghi khắc trong lòng. Nhiều người trong các bạn tin chắc rằng kho báu quý giá của Nước Đức Chúa Trời và của Chúa Giê-su Christ nằm trong Kinh Thánh mà các bạn đang cầm trên tay. Các bạn biết rằng chẳng có kho báu trần thế nào đạt được nếu không có công phu nhọc nhằn. Vậy tại sao các bạn lại mong hiểu được những kho tàng của lời Đức Chúa Trời mà không siêng năng tra xét Kinh Thánh?

"Việc đọc Kinh Thánh là đúng đắn và phải lẽ; nhưng bổn phận của bạn không dừng lại ở đó, vì bạn phải tự mình tra xét các trang sách ấy. Sự hiểu biết về Đức Chúa Trời không thể đạt được nếu không có nỗ lực trí tuệ, không có lời cầu nguyện xin sự khôn ngoan, hầu bạn có thể tách khỏi hạt lúa tinh tuyền của lẽ thật phần vỏ trấu mà loài người và Sa-tan đã dùng để xuyên tạc các giáo lý của lẽ thật. Sa-tan cùng đồng bọn là những kẻ làm tay sai của nó đã cố trộn vỏ trấu của sai lầm với lúa mì của lẽ thật. Chúng ta nên siêng năng tìm kiếm kho báu ẩn giấu, và tìm cầu sự khôn ngoan từ trời để phân biệt những điều do loài người bày đặt với các mệnh lệnh của Đức Chúa Trời. Đức Thánh Linh sẽ giúp đỡ người tìm kiếm những lẽ thật lớn lao và quý báu liên quan đến kế hoạch cứu chuộc. Tôi muốn nhấn mạnh với mọi người rằng đọc Kinh Thánh cách qua loa là không đủ. Chúng ta phải tra xét, và điều đó có nghĩa là thực hành tất cả những gì Lời dạy hàm ý. Như người thợ mỏ hăm hở thăm dò lòng đất để tìm những mạch vàng, thì bạn cũng phải khảo cứu Lời Đức Chúa Trời để tìm kho báu ẩn giấu mà Sa-tan đã lâu tìm cách che giấu khỏi loài người. Chúa phán, 'Nếu ai muốn làm theo ý muốn Ngài, người ấy sẽ biết về sự dạy dỗ ấy.' Giăng 7:17." Nền tảng của Giáo dục Cơ Đốc, 307.